

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 21/JST.25 ngày 26/05/2025 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Jia Zhi về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất đế giày và các bộ phận của giày” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của phòng Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 312/TTr-NNMT ngày 29/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Jia Zhi, Địa chỉ văn phòng: Lô A4, Cụm Công nghiệp – Tiểu thủ Công nghiệp thành phố Vị Thanh, phường VII, TP. Vị Thanh, Hậu Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường Dự án “Nhà máy sản xuất đế giày và các bộ phận của giày” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở đầu tư

1.1. Tên Dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất đế giày và các bộ phận của giày.

1.2. Địa điểm hoạt động: thửa đất số 2592, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại khu công nghiệp An Nghiệp (Lô R), xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6300327159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 26/02/2020 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 30/9/2024.

1.4. Mã số thuế: 6300327159.

1.5. Loại hình hoạt động của cơ sở: Sản xuất đế giày và các bộ phận của giày

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở đầu tư:

- Phạm vi: Tổng diện tích thực hiện cơ sở 40.690,8 m².
- Quy mô: Tổng vốn đầu tư thực hiện dự án: 460.000.000.000 VNĐ (bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi tỷ đồng, tương đương 20.000.000 USD (bằng chữ: Hai mươi triệu đô la Mỹ)).

- Công suất: 27.000.000 tấn sản phẩm/năm

- Sản phẩm: Đế giày và các bộ phận của giày.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Jia Zhi có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 07. tháng 06. năm 2025 đến ngày 07. tháng 06. năm 2035).

Điều 4. Giao Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Châu Thành, Ủy ban nhân dân xã An Hiệp tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./74

Nơi nhận:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Jia Zhi;
- Sở NN&MT tỉnh;
- Phòng NN&MT;
- UBND xã An Hiệp;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, Thg.

K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Hào

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 21/GPMT-UBND ngày 05 tháng 06 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh cá nhân của công nhân viên làm việc tại dự án khoảng 256 m³/ngày.

- Nguồn số 2: Nước thải sản xuất, lưu lượng 59 m³/ngày, trong đó nước thải từ sản xuất đế giày là 39 m³/ngày và nước thải từ sản xuất mũ giày là 20 m³/ngày.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Toàn bộ lưu lượng nước thải của dự án được thu gom, lọc rác và xả thải vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Nghiệp.

2.2. Vị trí xả thải:

- Tại điểm đầu nối vào cống thoát nước thải của KCN An Nghiệp trên đường D4 – KCN An Nghiệp..

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 6°): X= 1067431; Y= 550449

2.3. Lưu lượng thải lớn nhất: 315 m³/ngày.

2.3.1. Phương thức xả thải: Tự chảy

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày.đêm

2.3.3. Chất lượng nguồn nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt sau khi xử lý tại hầm tự hoại và nước thải sản xuất đế giày sẽ được thu gom và đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của KCN để xử lý.

+ Lắp đặt lưới chắn rác có kích thước tối đa 3 mm.

+ Chỉ tiêu dầu mỡ động thực vật < 250 mg/L.

+ Chỉ tiêu cặn lơ lửng (TSS) < 800 mg/L.

+ Không chứa chất thải nguy hại theo Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 và QCVN 50:2013/BTNMT.

- Đối với nước thải từ sản xuất Mũ giấy (công đoạn rửa khuôn in).

- Đối với nước thải từ sản xuất Mũ giấy sẽ được thu gom và hệ thống xử lý của dự án với công suất 30 m³/ngày để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thoát vào hệ thống thu gom tập trung của khu công nghiệp.

Bảng 1: Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép

STT	Tên thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 40:2011/BTNMT – Cột B
1	pH	-	5,5-9
2	BOD ₅	mg/l	50
3	COD	mg/l	150
4	TSS	mg/l	100
5	As	mg/l	0,1
6	Hg	mg/l	0,01
7	Cd	mg/l	0,1
8	Pb	mg/l	0,05
9	Zn	mg/l	3
10	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/l	9,9
11	Tổng Coliforms	CFU/100ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải phát sinh sẽ được thu gom vào hố ga Tại điểm đầu nối vào cống thoát nước thải của KCN An Nghiệp trên đường D4 – KCN An Nghiệp và tự chảy vào cống thoát nước thải của khu công nghiệp dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN An Nghiệp.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải từ sản xuất Mũ giấy

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải khuôn in → Hố thu → Ngăn trộn nhanh → Ngăn trộn chậm → Bể lắng hóa học → Bể trung gian → Bể hiếu khí + màng MBR → Ngăn khử trùng → Đầu nối vào HTXLTN dự án → Thoát vào hố ga đầu nối nước thải của KCN.

Công suất thiết kế: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công suất 30 m³ Nước thải sau hệ thống xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT cột B trước khi thoát đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của KCN để xử lý.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại cột 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, do đó trong thời gian vận hành thử nghiệm sẽ thực hiện quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định theo quy định tại khoản 5 điều 21 Thông tư 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022.

- Thời gian lấy mẫu: 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định.

+ Vị trí quan trắc: 01 mẫu nước thải đầu vào và 01 mẫu nước thải sau hệ thống xử lý.

+ Thông số quan trắc: Thông số lấy mẫu: pH, BOD₅, COD, TSS, As, Hg, Cd, Pb, Zn, Tổng coliform và Tổng dầu, mỡ khoáng.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức BVMT cho công nhân viên người lao động tại dự án; Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra BVMT.

Lập kế hoạch bảo trì, duy tu, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc của dự án. Quản lý, kiểm tra hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải và các công trình lưu trữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 21/GPMT-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: 01 nguồn khí thải phát sinh từ khu vực xử lý dung môi hữu cơ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải phát sinh từ khu vực xử lý dung môi hữu cơ;
- Lưu lượng xả khí thải tối đa: 2.000 m³/giờ.

2.1 Vị trí xả khí thải

- + Tại ống khói.
- + Vị trí phát sinh: Tọa độ: X = 1067495/Y = 550198 (VN:2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiều 6°).

2.2 Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 2.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý bởi vật liệu hấp phụ bằng than hoạt tính sẽ thoát vào ống khói và thải vào môi trường xung quanh.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 19:2024/BTNMT (Cột C) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp cụ thể như sau:

Bảng 2: Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép

Thông số	Đơn vị	Giới hạn	Quy chuẩn
NH ₃	mg/Nm ³	25	QCVN 19:2024/BTNMT (Cột C)
H ₂ S	mg/Nm ³	8	
Hợp chất hữu cơ axetats. Xylen	mg/Nm ³	100	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Đầu tư lắp đặt hệ thống thông gió cưỡng bức kết hợp với phương pháp hấp phụ qua than hoạt tính. Đây là phương pháp quan trọng và hiệu quả trong xử lý khí và các hơi dung môi hữu cơ. Phương pháp này dựa trên cơ sở hấp phụ hơi khí

độc trên bề mặt các chất rắn có hoạt tính bề mặt cao. Vật liệu sử dụng hấp phụ khí là than hoạt tính (khoảng 40 - 45 kg than cho 1 lần sử dụng). Với đặc trưng của than hoạt tính là vật liệu hấp phụ có lỗ xốp rỗng, có bề mặt riêng lớn nên có thể lưu giữ các chất bẩn và khí sạch thoát ra ngoài qua ống khói với chiều cao 10 m. Định kỳ 6 tháng đến 1 năm tùy theo mức độ hoạt động của vật liệu sẽ tiến hành thay lớp than hoạt tính mới.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi dung môi → Ống dẫn → Thiết bị hấp phụ với vật liệu hấp phụ là than hoạt tính → Thoát vào nguồn tiếp nhận → Khí thải đạt 19:2024/BTNMT (Cột C) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại cột 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, do đó trong thời gian vận hành thử nghiệm sẽ thực hiện quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định theo quy định tại khoản 5 điều 21 Thông tư 02/2022/BTNMT ngày 10/1/2022.

- Thời gian lấy mẫu: 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định.

+ Vị trí quan trắc: Tại Ống khói

+ Thông số quan trắc: NH_3 ; H_2S và Hợp chất hữu cơ axetat, Xylen.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT (Cột C) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Công ty chịu trách nhiệm hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 2\ /GPMТ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2025
của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: tiếng ồn phát sinh từ máy phát điện dự phòng, xưởng cơ khí và khu vực chứa thiết bị, máy móc hoạt động.

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Tọa độ phát sinh (VN: 2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 6⁰):
X = 1067464/Y = 550357.

2. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Bảng 3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn

STT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung

Bảng 4. Giá trị giới hạn đối với độ rung

STT	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	65	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Để giảm thiểu các tác động từ tiếng ồn, độ rung Công ty sẽ áp dụng các biện pháp sau nhằm giảm thiểu tối đa tác động đến công nhân trực tiếp làm việc và các doanh nghiệp xung quanh trong KCN.

- Nhà máy thường xuyên bảo trì máy để máy móc, thiết bị luôn hoạt động ở tình trạng tốt nhất, hạn chế tiếng ồn phát ra do máy móc hoạt động lâu ngày gây nên.

- Lắp đặt các bộ đỡ giảm ồn, giảm rung cho máy móc có công suất lớn. Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra định kỳ thiết bị về độ mòn chi tiết, chế độ hoạt động bảo trì, bôi trơn

- Sử dụng miếng đỡ khuôn bằng cao su, lò xo giảm sóc làm giảm tiếng ồn tại các công đoạn ép, dập, máy nén khí.

- Công nhân làm việc tại khu vực phát sinh tiếng ồn lớn sẽ được trang bị nút bịt tai chống ồn.

- Bố trí dây chuyền máy móc thiết bị hợp lý nhằm tránh gây sự cộng hưởng tiếng ồn, cụ thể là bố trí các loại máy móc phát sinh tiếng ồn lớn như: máy phát điện, máy dập, máy ép, máy nén khí tại các khu vực riêng biệt, xa khu vực tập trung nhiều công nhân.

- Máy phát điện được sử dụng là loại máy hiện đại, được bọc vỏ cách âm chống ồn đồng bộ gắn liền và bao quanh máy.

- Trồng cây xanh xung quanh tường rào nhà máy nhằm hạn chế các tác động từ hoạt động sản xuất đến khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 21/GPMT-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2025
của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Nguồn phát sinh: từ quá trình sản xuất như các hoạt động sử dụng hóa chất (keo, mực in, dung môi), sửa chữa, bảo trì máy móc thiết bị, hoạt động văn phòng, y tế, bùn thải từ quá trình xử lý nước thải của sản xuất mũ giày. Dự kiến thành phần và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của nhà máy như sau:

Bảng 5. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại dự án

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	7
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn (can, lon < 10 lít)	Rắn	18 01 02	2.110
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	1.450
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị	Rắn	18 02 01	15.705
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	07 02 03	86
6	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn	08 03 01	225
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp	Rắn	12 06 05	8.416
8	Than hoạt tính	Rắn	12 01 04	100
Tổng cộng				28.129

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Bảng 6. Khối lượng chất thải thông thường phát sinh tại dự án

TT	Nguyên liệu	Khối lượng chất thải phát sinh (tấn/năm)
I	Nguồn nguyên liệu	310,4
1	Da thuộc	147,5
2	Da tổng hợp	46,4
3	Mút xốp	83,2
4	Giấy, hộp, thùng các loại	23,6
5	Nhựa lót	1,3
6	Nhãn, giấy dầu	8,4
7	Hộp đóng gói	0,0
II	Phụ liệu	2,49
1	Các loại chất liệu (PVC, EVA, PU, cao su nhiệt dẻo hoặc Cao su lưu hóa)	2,18
2	Nước Sơn	0,01
3	Keo dán	0,02
4	Hóa chất vệ sinh, hóa chất xử lý	0,12
5	Mút xốp	0,17
	Tổng cộng	312,9

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Bảng 7. Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh tại dự án

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	4.000

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

- Thiết bị lưu chứa: 05 thùng nhựa có thể tích 220 lít/thùng và 02 phuy chứa nhớt thải, thể tích 1 m³/phuy.

- Kho chứa CTNH:

- + Diện tích: 45 m².
- + Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Nền xi măng, tường xây gạch, mái tole.
- + Có dán nhãn, biển báo theo quy định.
- Chủ cơ sở sẽ ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- + Diện tích khu vực lưu chứa: 455 m² (bao gồm kho chứa chất thải thông thường và kho lưu để báo phế)
- + Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: nền xi măng, tường xây gạch, mái tole.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: 10 thùng nhựa có nắp đậy, thể tích 120 lít và loại 1 m³.
- Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt 20 m². Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Nền xi măng.
- Ngoài ra, để hạn chế rác thải gây ảnh hưởng đến môi trường cũng như sức khỏe của CNV, Chủ dự án sẽ yêu cầu CNV, khách hàng phân loại rác thải thành loại có thể tái chế, tái sử dụng như lon nước, chai nhựa,... để tái sử dụng hoặc bán cho các cơ sở thu mua phế liệu và loại có thể phân hủy sinh học để ở khu vực riêng cho đơn vị thu gom rác thu gom mỗi ngày. Bên cạnh đó, Chủ dự án cũng yêu cầu CNV, khách hàng bỏ rác đúng nơi quy định, không được vứt rác bừa bãi.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa và ứng phó với sự cố cháy nổ

Dự án sẽ thiết kế và đầu tư xây dựng hệ thống Phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định. Để ngăn ngừa, phòng chống cháy nổ có khả năng phát sinh trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Niêm yết các tiêu lệnh, bố trí biển báo, nội quy PCCC ở nơi dễ nhìn thấy.
- Nghiêm cấm công nhân mang các thành phần dễ phát sinh cháy nổ vào khu vực dự án.
- Kho chứa nguyên liệu của Dự án là nơi dễ phát sinh cháy nổ, do đó nhà kho sẽ được thiết kế an toàn phòng chống cháy nổ và được lắp đặt thiết bị báo cháy, dụng cụ chữa cháy,... để đề phòng sự cố cháy nổ có thể xảy ra.

- Trang bị vật liệu thấm hút để thu hồi dầu, nhớt rơi đổ và thường xuyên kiểm tra để phát hiện các trường hợp rò rỉ để xử lý kịp thời để ngăn ngừa ô nhiễm và phòng tránh sự cố cháy nổ.

- Chú ý an toàn về điện, lắp đặt hệ thống cầu dao an toàn, định kỳ kiểm tra, thay thế các thiết bị không đạt yêu cầu.

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị, dụng cụ để phòng cháy, chữa cháy như: Bình chữa cháy, máy bơm nước, lăng,... và đặt ở vị trí thích hợp nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất các thiệt hại đến sự cố cháy nổ xảy ra.

2. Biện pháp phòng ngừa rò rỉ sự cố hóa chất

Các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố, không để ảnh hưởng đến công nhân viên và môi trường xung quanh cơ sở được đưa ra như sau:

- Hóa chất (phụ gia và chlorin) được đơn vị cung cấp chuyên cơ sở bằng các phương tiện chuyên dụng và được lưu trữ tại kho, kho lưu trữ hóa chất được thiết kế nền cao, đảm bảo luôn khô thoáng, có mái che, được xây tường bao xung quanh để ngăn rò rỉ.

- Ban hành quy định về hướng dẫn sử dụng hóa chất và các biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thao tác tiếp xúc với hóa chất. Thường xuyên hướng dẫn, nhắc nhở công nhân viên tuân thủ đúng quy định và các quy trình sử dụng hóa chất theo hướng dẫn của Nhà sản xuất.

- Việc giao nhận hóa chất (phụ gia và chlorin) được thực hiện thông qua thủ kho nhằm kiểm soát quá trình sử dụng hàng ngày. Phân công nhân viên hàng ngày kiểm tra, giám sát khu vực lưu chứa hóa chất nhằm sớm phát hiện sự cố (nếu có).

- Sắp xếp hóa chất phù hợp trong bảo quản, vận chuyển và sử dụng:

+ Các loại phụ gia đóng gói phải xếp trên các kệ hoặc giá đỡ, khoảng cách ít nhất 0,5m; hóa chất kỵ ẩm phải xếp trên kệ cao ít nhất 0,3m.

+ Hóa chất dạng lỏng chứa trong phuy, can, chai phải được xếp đúng quy định.

+ Lối đi chính trong kho phải rộng.

+ Không để các bao bì đã dùng, các vật liệu dễ cháy trong kho.

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống điện, khu vực để hóa chất, kịp thời phát hiện những yếu tố mất an toàn và có biện pháp khắc phục.

Trong trường hợp xảy ra sự cố về tràn đổ hóa chất phải thực hiện như sau:

+ Tổ chức sơ tán công nhân viên khỏi khu vực xảy ra sự cố, tiến hành sơ cứu công nhân viên bị nạn đối với những nạn nhân bị thương, khẩn trương vận chuyển cơ sở y tế.

+ Huy động nhân lực, vật lực phục vụ cho việc cấp cứu công nhân viên bị nạn: Tổ chức cấp cứu tất cả các nạn nhân, kiểm tra sức khỏe cho những công nhân viên được sơ tán; tổ chức thu gom khối lượng hóa chất bị tràn đổ và lưu chứa vào kho.

+ Báo cáo với đơn vị quản lý khi xảy ra sự cố hóa chất và chỉ hoạt động bình thường trở lại khi khắc phục hoàn toàn sự cố đã xảy ra.

3. Ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải không hoạt động

- Định kỳ (tùy theo từng thiết bị và khuyến cáo của nhà sản xuất, có thể 6 tháng/lần hoặc 12 tháng/lần) bảo dưỡng máy móc thiết bị, máy bơm nước thải, bơm bùn, bơm định lượng hóa chất, cào rác tại song chắn rác, nạo vét các đường cống thu gom, thoát nước thải. Đồng thời, trong cơ sở có trang bị dự phòng các máy thổi khí, máy bơm nước thải để đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục 24/24h.

- Hệ thống được vận hành liên tục, tránh tuyệt đối trường hợp chết vi sinh.

- Theo dõi thường xuyên lịch cúp điện tại địa phương để có hướng xử lý kịp thời. Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải nếu xảy ra sự cố mất điện, bộ phận vận hành hệ thống xử lý nước thải có trách nhiệm sử dụng máy phát điện dự phòng tại dự án để vận hành hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo hệ thống được vận hành liên tục, đồng thời báo cáo đến Ban giám đốc và phòng Tổ chức hành chính có trách nhiệm phân công người đến kiểm tra, sửa chữa. Ghi sổ nhật ký vận hành

- Trong trường hợp để xảy ra sự cố, phải ngừng sản xuất và thông báo ngay đến cơ quan quản lý và khắc phục kịp thời.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải xuyên suốt để ứng phó kịp thời với sự cố hệ thống không hoạt động.

- Xây dựng quy trình vận hành an toàn. Lập sổ nhật ký để ghi chép các thông số chính như: giá trị pH, nhiệt độ tại bể điều hòa; giá trị DO, thành phần dinh dưỡng tại bể hiếu khí; hiện tượng trương nở bùn; khả năng lắng.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố: Nhân viên vận hành khẩn trương kiểm tra các thiết bị và bể xử lý nước thải để tìm nguyên nhân, tổ chức khắc phục sự cố; điều tiết sản xuất, giảm công suất hoạt động, giảm lượng nước thải phát sinh. Trường hợp chưa thể khắc phục sự cố trong khoảng thời gian này, cơ sở có trách nhiệm bố trí thiết bị, phương tiện để lưu chứa tạm thời lượng nước thải phát sinh không để nước thải chưa qua xử lý xả ra môi trường và thông báo cho cơ quan chức năng để phối hợp xử lý.

- Các sự cố thường gặp trong hệ thống xử lý của cơ sở đó là: tính chất dòng thải đầu vào không ổn định như: tăng, giảm lưu lượng và giá trị các thông số dinh dưỡng; dòng thải mang tính axit, nhiệt độ thay đổi đột ngột. Nếu các thay đổi này không được phát hiện kịp thời sẽ làm ảnh hưởng rất lớn đến khả năng xử lý của hệ

thống. Một trong những nguyên nhân chính và giải pháp khắc phục tại các công đoạn chủ yếu của hệ thống xử lý được thể hiện như sau:

- Biện pháp phòng ngừa vỡ ống nước

- + Tắt tất cả các máy bơm đầu nối vào đường ống thoát nước bị vỡ.
- + Khóa tất cả các van nước thải đầu nối vào đường ống bị vỡ.
- + Lắp đặt bơm và đường ống dự phòng để dẫn nước thải của đoạn ống bị vỡ. Đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hệ thống đang hoạt động, không làm rò rỉ nước thải ra môi trường. Sau khi khắc phục sửa chữa xong đoạn ống bị vỡ thì tiến hành tháo dỡ toàn bộ bơm và đường ống dự phòng khỏi hệ thống xử lý nước thải.

Đồng thời người phát hiện sự cố phải báo ngay cho Ban giám đốc, phòng Tổ chức hành chính để kịp thời cho người đến hỗ trợ, ghi sổ nhật ký vận hành.

- Biện pháp phòng ngừa hỏng máy thổi khí, máy bơm nước thải

Các máy móc, thiết bị tại hệ thống xử lý nước thải luôn có máy dự phòng. Trong trường hợp máy móc thiết bị bị hỏng, người vận hành hệ thống xử lý nước thải có trách nhiệm bật máy dự phòng để vận hành hệ thống và báo cáo đến Ban giám đốc và phòng Tổ chức hành chính và ghi vào sổ nhật ký nước thải.